

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đăng Thanh.

Ông Vũ Ngọc Côn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/6/2022, ngày 22/7/2022 và ngày 10/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị B, sinh năm 1990; trú tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh B; nơi ở hiện nay: thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; trú tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh B. Vắng mặt.

3. *Người đại diện, giám hộ của anh Nguyễn Văn T:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965; cùng trú tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh B (là cha, mẹ đẻ của anh T). Có mặt.

4. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Thân Thị Thúy V, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

5. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện L.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Dương Quốc D – Giám đốc Phòng Giao dịch huyện L. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2022, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Dương Thị B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 10/4/2008. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau ngày cưới, vợ chồng sống chung cùng nhau tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh B. Tình cảm ban đầu hạnh phúc đến tháng 02/2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không bảo ban được nhau về việc phát triển kinh tế gia đình. Từ tháng 02/2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Long N, sinh ngày 14/10/2008 và Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 30/5/2012. Hiện các con đang sống cùng chị. Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng phí tổn nuôi con cùng chị. Công việc hiện tại của chị là kinh doanh bất động sản, ngoài ra còn có thu nhập từ kinh doanh bảo hiểm với tổng thu nhập bình quân hàng tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Chị đang tạm trú tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên nếu được giao nuôi hai con chung của vợ chồng thì chị sẽ về sống chung cùng bố mẹ đẻ. Đồng thời chị cũng có nhiều thời gian chăm sóc con nên chị đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con chung phát triển đảm bảo.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án về giải quyết về tài sản chung, vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết về công nợ chung.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2022:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị B đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 10/4/2008, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau ngày cưới, chị B về nhà anh làm dâu, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 3/2022 thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên theo anh đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Nay chị B xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh thấy vẫn còn tình cảm và không muốn ly hôn chị B.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Long N, sinh ngày 14/10/2008 và Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 30/5/2012. Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Người đại diện, giám hộ của anh Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông, bà có tổ chức cưới hỏi cho anh T, chị B vào tháng 4 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống chung tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh B. Đến tháng 3/2022 thì vợ chồng anh T, chị B nảy sinh mâu thuẫn, chị B bỏ nhà dọn đi ở nơi khác từ tháng 3/2022 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì ông bà không biết do không sống chung cùng anh chị. Nay chị B xin ly hôn anh T thì ông bà không có ý kiến gì. Nguyên vọng của ông bà là mong muốn anh chị đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Vợ chồng anh T chị B có hai con chung là Nguyễn Long N, sinh ngày 14/10/2008 và Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 30/5/2012. Trường hợp vợ chồng anh chị không thể hòa giải mà phải ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị B hoặc cho anh T nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Ông bà không có đề nghị, yêu cầu gì.

* Tại các bản tự khai, các con chung là cháu Nguyễn Long N và Nguyễn Thị Lan A đều trình bày nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là được tiếp tục sống cùng mẹ.

* Tại phiên tòa ngày 29 tháng 6 năm 2022, anh Nguyễn Văn T vắng mặt. Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T1 giao nộp cho Hội đồng xét xử: 01 sổ bệnh án điều trị ngoại trú của Bệnh viện Tâm thần tỉnh Bắc Giang đối với anh Nguyễn Văn T; 01 Sổ Hộ nghèo của hộ anh Nguyễn Văn T; đề nghị Hội đồng xét xử chỉ định ông, bà là người đại diện, giám hộ của anh Nguyễn Văn T và mời Trợ giúp viên pháp lý cho anh Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa và yêu cầu chị Dương Thị B, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T1 đưa anh Nguyễn Văn T đi giám định pháp y tâm thần, tuyên bố anh Nguyễn Văn T là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nhưng cả chị B, ông B, bà T1 đều từ chối giám định, không yêu cầu tuyên bố anh T hạn chế năng lực hành vi dân sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy anh Nguyễn Văn T là người có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần nên đã ra Quyết định về việc chỉ định người đại diện, giám hộ để chỉ định ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị T1 (là cha, mẹ đẻ của anh T) là người đại diện, giám hộ cho anh Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa ngày 22 tháng 7 năm 2022, người giám hộ của anh T là ông B, bà T1 trình bày: Vợ chồng chị B anh T còn khoản nợ chung 70.000.000 đồng vay tại Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện L. Nguyên đơn chị Dương Thị B xác nhận khoản nợ chung là đúng nhưng chị chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ này khi đến hạn trả nợ, không yêu cầu anh T liên đới trả nợ và không yêu cầu Hội

đồng xét xử giải quyết. Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để làm rõ nội dung này.

* Tại văn bản số 267/CV-NHCS ngày 24 tháng 7 năm 2022, Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện L trình bày: Theo hồ sơ vay vốn số 66000000719515153: Vay ngày 20/01/2021 hạn trả 20/01/2026, tính đến ngày 20/7/2022 hộ gia đình bà Dương Thị B còn nợ Phòng Giao dịch Ngân hàng C với tổng số tiền là 70.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng). Trong đó: Số tiền gốc là 70.000.000 đồng; Số tiền lãi 0 đồng. Trong vụ án ly hôn của bà Dương Thị B và ông Nguyễn Văn T, Phòng Giao dịch Ngân hàng C nhất trí với phương án trả nợ là: Giao trách nhiệm trả nợ cho bà Dương Thị B số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ của hợp đồng vay. Đến thời hạn trả nợ, nếu bà Dương Thị B chưa thanh toán xong khoản nợ thì Phòng Giao dịch Ngân hàng C sẽ khởi kiện bà Dương Thị B bằng một vụ án khác. Đối với vụ án ly hôn giữa bà Dương Thị B và ông Nguyễn Văn T, đề nghị Tòa án không đưa Phòng Giao dịch Ngân hàng C vào tố tụng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 10/8/2022:

- Nguyên đơn chị Dương Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T, đề nghị giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về khoản nợ ngân hàng chính sách xã hội 70 triệu đồng chị xin chịu trách nhiệm trả nợ toàn bộ tiền gốc và lãi khi đến hạn theo hợp đồng đã ký kết với ngân hàng. Sau này chị và Ngân hàng sẽ tự giải quyết với nhau.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do. Người đại diện, giám hộ của anh Nguyễn Văn T trình bày ý kiến đến nay gia đình ông, bà vẫn muốn chị B về cùng chung sống với anh T và nuôi dạy hai con. Nếu vợ chồng anh T, chị B ly hôn thì ông bà cũng đồng ý để chị B tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Về tài sản không yêu cầu giải quyết. Về khoản nợ 70 triệu đồng gia đình nhất trí quan điểm trả nợ của chị B và Ngân hàng C.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến: Căn cứ lời khai của các bên đương sự thấy mâu thuẫn vợ chồng là có. Tuy nhiên đề nghị chị B xem xét hoàn cảnh bệnh tật của anh T và cuộc sống của con chung mà suy nghĩ lại, rút đơn ly hôn để đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu Hội đồng xét xử cho ly hôn thì cần nhắc việc giao cả hai con chung của vợ chồng cho chị B nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung chị B không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết. Về khoản nợ 70.000.000 đồng vay Ngân hàng C - phòng giao dịch huyện L, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc chị B đứng ra chịu trách nhiệm trả nợ toàn bộ khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người đại diện giám hộ của bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53 và khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Dương Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Căn cứ điều 81, điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao hai con chung là Nguyễn Long N, sinh ngày 14/10/2008 và Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 30/5/2012 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: Chị Dương Thị B trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết; Về khoản nợ chung: khoản nợ 70 triệu đồng vay Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch Lục Ngạn đề nghị HĐXX chấp nhận việc chị B đứng ra chịu trách nhiệm trả nợ toàn bộ khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Sau này đến hạn chị B không trả được thì Ngân hàng có quyền khởi kiện chị B bằng vụ án khác.

+ Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn cho chị Dương Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do là thành viên hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Dương Thị B có đơn xin ly hôn, giải quyết nuôi con chung đôi với anh Nguyễn Văn T. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh B. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28-Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng anh T đã có lời khai xin vắng mặt tại phiên tòa. Đồng thời người đại diện, giám hộ của anh T là ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T1 (là cha, mẹ đẻ của anh T) có mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện L do ông Dương Quốc Dũng, Giám đốc là người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét

xử tiên hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T, Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện L.

[3] Về việc chỉ định người đại diện, giám hộ cho anh Nguyễn Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T1 (là cha, mẹ đẻ của anh T) giao nộp cho Hội đồng xét xử: 01 (Một) sổ bệnh án điều trị ngoại trú của Bệnh viện Tâm thần tỉnh Bắc Giang đối với anh Nguyễn Văn T; 01 (Một) Sổ Hộ nghèo của hộ anh Nguyễn Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử chỉ định ông, bà là người đại diện, giám hộ của anh Nguyễn Văn T. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã giải thích về quyền giám định pháp y tâm thần, quyền yêu cầu tuyên bố anh T bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và chỉ định người đại diện, giám hộ thì cả chị B, ông B, bà T1 đều không yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Văn T hạn chế năng lực hành vi dân sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy anh Nguyễn Văn T là người có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần, là người không có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh T, căn cứ các Điều 134, 135, 136, 139, 140, 141- Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 85, 86, 87, 88, 89, 90- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ngày 01/7/2022 Tòa án đã ra Quyết định về việc chỉ định ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị T1 (là cha, mẹ đẻ của anh T) là người đại diện, giám hộ cho anh Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của chị Dương Thị B thì chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 4 năm 2008 tại UBND xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Khi đó anh T chưa bị mắc bệnh tâm thần (động kinh) phải điều trị tại Bệnh viện Tâm thần Bắc Giang. Anh chị chung sống đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung về nhiều vấn đề trong cuộc sống, đã ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

[4.2] Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp. Hiện nay chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn T không còn sống chung cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Dương Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Ý kiến của người bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có căn cứ chấp nhận do chị B không đồng ý đoàn tụ gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn T có hai con

chung là Nguyễn Long N, sinh ngày 14/10/2008 và Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 30/5/2012. Nay ly hôn chị Dương Thị B có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung. Hội đồng xét xử thấy chị B có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con, từ khi ly thân đến nay các cháu vẫn sống cùng chị B, các con phát triển khỏe mạnh, không bệnh tật gì. Tại các bản tự khai, cháu N và cháu L đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Qua xác minh tại địa phương thì được biết anh T bị bệnh động kinh, không có công việc thu nhập ổn định, cuộc sống phụ thuộc hoàn toàn vào cha mẹ đẻ là ông B và bà T1. Xét thấy để đảm bảo sự ổn định cũng như điều kiện chăm sóc con chung được tốt nhất, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Long N, sinh ngày 14/10/2008 và Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 30/5/2012 cho chị B nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ý kiến của người bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về việc nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị Dương Thị B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chung về tài sản (các khoản nợ):

[7.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện, giám hộ của anh Nguyễn Văn T và chị Dương Thị B xác định vợ chồng anh T, chị B có khoản nợ chung là 70.000.000 đồng của Phòng Giao dịch Ngân hàng C nhưng chưa đến hạn trả nợ. Chị Dương Thị B, người đại diện giám hộ của anh T và Phòng Giao dịch Ngân hàng C đều nhất trí với phương án trả nợ là giao trách nhiệm trả nợ cho chị Dương Thị B số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ của món vay. Đến thời hạn trả nợ, nếu chị Dương Thị B chưa thanh toán xong khoản nợ thì Phòng Giao dịch Ngân hàng C sẽ khởi kiện chị Dương Thị B bằng một vụ án khác.

[7.2] Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc giao cho chị Dương Thị B có nghĩa vụ trả khoản nợ chung của hộ gia đình cho Phòng Giao dịch Ngân hàng C; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết buộc chị B phải trả ngay khoản nợ vay Phòng Giao dịch Ngân hàng C; khi đến hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nếu chị Dương Thị B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Phòng Giao dịch Ngân hàng C có quyền khởi kiện chị Dương Thị B bằng vụ án khác. Ý kiến của người bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Dương Thị B thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên miễn cho chị Dương Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại

điểm đ, khoản 1, Điều 12-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 85, Điều 86, Điều 87, Điều 88, Điều 89, Điều 90, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 134, 135, 136, 139, 140, 141 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Long N, sinh ngày 14/10/2008 và Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 30/5/2012 cho chị Dương Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chấp nhận việc thoả thuận giao cho chị Dương Thị B có nghĩa vụ trả khoản nợ chung 70.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Phòng Giao dịch Ngân hàng C; khi đến hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nếu chị Dương Thị B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Phòng Giao dịch Ngân hàng C có quyền khởi kiện chị Dương Thị B bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm cho chị Dương Thị B. Hoàn trả chị Dương Thị B số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010688 ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo:

- Chị Dương Thị B, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị T1 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Nguyễn Văn T, Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện L không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ong Thân Thắng